

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **289/2021/HC-ST**

Ngày: 30/12/2021

*V/v: Yêu cầu hủy các quyết định hành
chính về quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Hội thẩm nhân dân: **Bà Phùng Thị Kim Loan**

Bà Bùi Thị Thu Giang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Lùng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 và 30/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 206/2020/TLST-HC ngày 21/8/2020 về yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Đ.T.S- sinh năm 1940 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu T.S, thị trấn C.S, huyện C.M, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đ.Đ.N, Luật sư N.N.H, Luật sư Đ.N.T- Văn phòng Luật sư Kết nối, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

*** Người bị kiện:**

1. UBND huyện C.M, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông T.D.O- Phó Chủ tịch UBND huyện C.M, Hà Nội (theo Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông P.K.T- Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C.M (Có mặt).

- Ông N.T.L- Chuyên viên Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện C.M (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch UBND huyện C.M, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông T.D.O- Phó Chủ tịch UBND huyện C.M, Hà Nội (theo Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông P.K.T- Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C.M (Có mặt).

- Ông N.T.L- Chuyên viên Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện C.M (Có mặt).

2. UBND thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông N.T.Đ1- Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2021 - Có đơn xin vắng mặt).

3. UBND thị trấn C.S, huyện C.M, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông N.X.C1- Phó Chủ tịch UBND thị trấn C.S (Vắng mặt).

- Ông B.B.C2 - Công chức Địa chính - Xây dựng (Có mặt).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020.)

4. Anh D.V.V- sinh năm 1970.

5. Cháu D.N.Đ2 - sinh ngày 12/1/2018.

Đại diện theo pháp luật của cháu D.N.Đ2 là anh D.V.V(Có mặt).

Đều trú tại: Khu T.S, thị trấn C.S, huyện C.M, Hà Nội.

6. Anh D.V.L1- sinh năm 1968.

7. Chị Đ.T.T1- sinh năm 1976.

8. Cháu D.T.T2- sinh ngày 13/10/2005

9. Cháu D.N.T.M- sinh ngày 23/4/2015.

Đại diện theo pháp luật cho cháu D.T.T2 và cháu D.N.T.M là anh D.V.L1 và chị Đ.T.T1(Có đơn xin vắng mặt).

Đều trú tại: T.S, thị trấn C.S, huyện C.M, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6 (đoạn Km 19 + 920 đến Km 22 + 220) qua địa phận thị trấn C.S thuộc huyện C.M, UBND huyện C.M đã ban hành Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 về việc thu hồi 186,5m² đất do Hộ gia đình bà Đ.T.S đang sử dụng thuộc một phần đất thửa đất số 1, Mảnh trích đo địa chính số 152-2018, tỷ lệ 1/500, được UBND huyện C.M phê duyệt ngày 18/01/2019 tại địa chỉ: khu T.S, thị trấn C.S, huyện C.M, thành phố Hà Nội. Đồng thời, UBND huyện C.M ra Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với số tiền 288.220.197 đồng, gồm các khoản như sau:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư: 0.

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi:

+ Công trình xây dựng trên đất: 282.050.697 đồng.

+ Cây, hoa màu trên đất: 697.500 đồng.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: 5.472.000 đồng.

Không đồng ý với hoạt động thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, Bà Đ.T.S khiếu nại cả 02 quyết định hành chính nêu trên đến Chủ tịch UBND huyện C.M và trình bày:

- Nguồn gốc đất của gia đình là do bà Đ.T.S có Đơn xin đất làm nhà ngày 10/5/1981, đã được UBND xã Ngọc Hòa xác nhận cho đất. Từ đó đến nay gia đình bà vẫn sống ổn định, không có tranh chấp, nộp thuế đầy đủ nên phải được bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị tài sản trên đất bị thu hồi.

- Đề nghị kiểm tra lại Phương án bồi thường, hỗ trợ vì thực tế công trình là nhà tạm, tường 220 gạch chỉ, mái lợp fibro xi măng khung gỗ, cao > 3m, nền gạch lát xi măng, không có khu phụ, nhưng trong Phương án ghi là nhà tạm, tường 110 là không đúng.

- Đề nghị cấp 01 suất đất tái định cư.

- Đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống cho 07 khẩu, vì trong Phương án chỉ hỗ trợ 02 khẩu.

Chủ tịch UBND huyện C.M đã ra Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại, quyết định: Giữ nguyên 02 quyết định hành chính bị khiếu nại, nhưng giao Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án bổ sung đối với phần tài sản xác định sai kết cấu và phần hỗ trợ ổn định đời sống còn thiếu.

Phần Kết luận của Quyết định này nêu: *“Nội dung khiếu nại của bà Đ.T.S đối với Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 và Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 là khiếu nại sai. Tuy nhiên:*

- *Quá trình kiểm đếm tài sản đã xác định sai kết cấu của công trình nhà tạm, và đã được kiểm đếm lại như sau: “... Điều chỉnh thành nhà tạm tường 220 gạch chỉ mái lợp fibro xi măng, khung gỗ cao > 3m, nền lát gạch xi măng, không có khu phụ”.*

- *Hộ bà Đ.T.S có 07 khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất, không phải 02 nhân khẩu như phương án đã phê duyệt.”*

Bà Đ.T.S tiếp tục khiếu nại Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C.M. Ngày 23/6/2020, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2261/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Khiếu nại của bà Đ.T.S là khiếu nại sai. Giữ nguyên Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M.

Ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Đơn khởi kiện của bà Đ.T.S, đề nghị hủy Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 02/2/2019 và Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/2/2019 của UBND huyện C.M.

1. Quá trình tham gia tố tụng, bà Đ.T.S trình bày:

- Về lý do khởi kiện:

- + Ngày 10/5/1981, bà Đ.T.S làm Đơn xin đất làm nhà gửi UBND xã Ngọc Hòa và Ban quản trị Hợp tác xã Ngọc Hòa. Ngày 21/01/1982, Hợp tác xã Ngọc Hòa và UBND xã Ngọc Hòa đã xác nhận giải quyết cho 240m² đất chuyên dụng ở đồi Núi

Mồ (Đường 6 mới) vào xây dựng gia đình. Việc giao đất không có quyết định hay biên bản bàn giao.

+ Do Đơn xin đất làm nhà bị thất lạc, năm 1992, bà Đ.T.S làm lại Đơn xin đất, đề ngày 03/11/1982. Chủ tịch UBND xã Ngọc Hòa đã ký, đóng dấu xác nhận, đề ngày 20/10/1982, nội dung cho bà Đ.T.S 240m² đất thuộc đồi Con Cóc, giáp nổi tràm biển thề sau khu làm đường 6 mới.

+ Bà Đ.T.S xác định khi mới nhận đất, đây là đất hoang, chưa xây dựng gì. Bà Đ.T.S đã xây dựng nhà ở và công trình trên đất, ăn ở ổn định từ năm 1982 đến nay. Các biên lai nộp thuế sử dụng đất hàng năm mà bà Đ.T.S đã đóng đều thể hiện toàn bộ diện tích đất đang sử dụng là đất ở. Do đó, căn cứ Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì: *“Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”*. UBND huyện C.M xác định diện tích đất này là đất hành lang giao thông Quốc lộ 6 là sai.

- Bà Đ.T.S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét cả nội dung của Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M v/v giải quyết khiếu nại. Sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C.M thì đã nộp đơn khiếu nại lần 2 lên Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội nhưng chưa được giải quyết, vì vậy bà Đ.T.S đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

- Bà Đ.T.S không thắc mắc về thẩm quyền và trình tự, thủ tục mà Chủ tịch & UBND huyện C.M ban hành các quyết định hành chính trên vì ủng hộ chủ trương làm đường của Nhà nước, không để chính quyền phải cưỡng chế, mà chỉ thắc mắc về nội dung thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Bà Đ.T.S xác nhận đã nhận 288.220.197 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ tại Phương án kèm theo Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/5/2019. Tuy nhiên do không đồng ý với số tiền này, bà Đ.T.S đã làm đơn đề nghị đề thắc mắc về việc kiểm đếm tài sản chưa chính xác và thiếu số nhân khẩu, từ đó đã được chi trả thêm khoảng 140.000.000 đồng, Bà Đ.T.S đã ký nhận tiền.

2. Các thành viên trong Hộ gia đình bà Đ.T.S theo sổ hộ khẩu gồm:

- Anh D.V.V, cháu D.N.Đ2 (do anh D.V.V là đại diện theo pháp luật) thống nhất với nội dung trình bày của bà Đào Thị Sơn.

- Anh D.V.L1 và chị Đ.T.T, cháu D.T.T2 và cháu D.N.T.M (do anh D.V.L1 và chị Đ.T.T là đại diện theo pháp luật) trình bày: Đất bị thu hồi là của bà Đ.T.S (mẹ đẻ của anh D.V.L1). Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đều do bà Đ.T.S toàn quyền quyết định và nhận tiền bồi thường không liên quan gì đến gia đình anh D.V.L1 và chị Đ.T.T. Do đó anh D.V.L1 và chị Đ.T.T ủy quyền toàn bộ cho bà Đ.T.S tham gia tố tụng và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3. Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch & UBND huyện C.M, UBND thị trấn C.S cùng thống nhất quan điểm và trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.S vì:

* Về nguồn gốc đất và loại đất bị thu hồi:

- Hộ bà Đ.T.S sử dụng đất không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013. UBND thị trấn C.S đã mời lãnh đạo xã qua các thời kỳ từ năm 1974 đến năm 1994 và các hộ liên kề trong cùng cụm dân cư để xác định thời điểm sử dụng đất của hộ bà Đ.T.S. Kết quả như sau: Khoảng tháng 5/1982, bà Đ.T.S nhận chuyển nhượng một phần đất của ông T.Q.B. Ngày 20/10/1982, bà Đ.T.S làm đơn xin đất, được UBND xã Ngọc Hòa xác nhận, nhưng do mất giấy tờ nên đã xin xác nhận lại.

- Theo Sổ bộ thuế năm 1993, hộ bà Đ.T.S sử dụng đất tại thửa số 316, diện tích 105m² nhưng không rõ vị trí. Trước khi bị thu hồi, bà Đ.T.S sử dụng 290,8m² đất, tăng 185,8 m² so với Sổ bộ thuế năm 1993 do bà Đ.T.S sử dụng phần hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 vi phạm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng; sử dụng phần hành lang điện 35KV vi phạm Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính phủ. Diện tích đất bị thu hồi là 186,5m², gồm: 107,2m² đất hành lang đường Quốc lộ 6, 79,3m² là đất hành lang đường điện 35KV, trong đó:

+ 107,2m² đất có nguồn gốc là đất hàng giao thông đường Quốc lộ 6, do Nhà nước quản lý theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về điều lệ bảo vệ đường bộ. Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 75 và Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, diện tích đất này không được bồi thường về đất.

+ 79,3m² đất thuộc hành lang đường điện 35Kv, được quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính phủ. Công ty Điện lực C.M xác nhận đường điện 35Kv từ Ba La đến trung gian C.S được đưa vào vận hành từ năm 1965. Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 75 và Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, diện tích đất này cũng không được bồi thường về đất.

- Diện tích đất được cho phép giải quyết trong Giấy xin cấp đất của bà Đ.T.S đã bị tẩy xóa, sửa chữa, nên không biết thực tế là bao nhiêu.

* Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Toàn bộ tài sản xây dựng trên đất hành lang giao thông, không có văn bản ngăn chặn vi phạm của cấp có thẩm quyền, thời điểm xây dựng tháng 4/1993, được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo khoản 1 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

- Phần tài sản bị cắt xén là ngôi nhà bán mái, có tường chịu lực: Được bồi thường, hỗ trợ toàn bộ ngôi nhà.

- Trên diện tích đất bị thu hồi có một số cây nằm trên đất hành lang đường Quốc lộ 6. Căn cứ Mục 5 Thông báo số 8514/STC-QLG ngày 25/12/2017 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội: “Cây trồng trên đất lấn chiếm, đất hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới nhưng

được UBND cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền tùy từng trường hợp cụ thể, UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây xem xét mức hỗ trợ nhưng tối đa không vượt quá 50% mức bồi thường, hỗ trợ quy định trong Thông báo”. Do đó UBND huyện C.M đã tính hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định.

- Về tái định cư: Diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi của Hộ bà Đ.T.S lớn hơn 30m². Căn cứ Điều 7 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, Hộ bà Đ.T.S không được bố trí tái định cư.

UBND huyện C.M và UBND thị trấn C.S khẳng định việc ban hành các quyết định hành chính bị kiện là đúng, quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ bà Đ.T.S đã được đảm bảo, đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định nêu trên.

4. Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trình bày:

Việc giải quyết khiếu nại đối với Hộ bà Đ.T.S là đúng quy định của pháp luật, giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

5. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại:

Các đương sự không tranh chấp về tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu, đề nghị Tòa án xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ; không tranh chấp pháp lý về thẩm quyền mà Chủ tịch & UBND huyện C.M ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định giải quyết khiếu nại. Các đương sự cũng không tranh chấp về số lượng diện tích đất đã thu hồi, không tranh chấp về số lượng tài sản trên đất, về giá đất cũng như nguồn gốc sử dụng đất.

Nội dung tranh chấp là xác định nguồn gốc đất, loại đất, từ đó làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ.

6. Tại phiên tòa:

* Các đương sự, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa đều giữ quan điểm, chứng cứ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

- Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Trên cơ sở nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng đất của Hộ bà Đ.T.S, UBND huyện C.M đã thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đúng quy định của pháp luật. Việc bà Đ.T.S yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Đ.T.S.

*Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa;
Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

I. Về tố tụng:

* Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

* Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi nhận được Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M về giải quyết khiếu nại lần đầu, ngày 04/5/2020 bà Đ.T.S nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính là đảm bảo thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

* Về thành viên Hộ gia đình bà Đ.T.S tham gia tố tụng:

Bà Đ.T.S xác định tại thời điểm UBND huyện C.M thực hiện hoạt động thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, các thành viên thuộc Hộ gia đình đang sinh sống trên đất gồm: Bà Đ.T.S, anh D.V.V, cháu D.N.Đ2 (con anh D.V.V) anh D.V.L, chị Đ.T.T, cháu D.T.T, cháu D.N.T.M (02 con của anh D.V.L và chị Đỗ Thị Thơm). Đồng thời, tại Giấy xác nhận ngày 15/3/2019 của UBND thị trấn C.S, mục V cũng xác định Hộ gia đình bà Đ.T.S gồm 07 người có tên như trên. Đây là căn cứ để Tòa án xác định người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên Hộ gia đình bà Đ.T.S.

* Về đối tượng khởi kiện:

- Căn cứ đơn khởi kiện và quan điểm của các đương sự tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính và khoản 5, khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai, xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án là:

+ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C.M về việc thu hồi đất.

+ Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C.M về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

- Bà Đ.T.S không khởi kiện đối với Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M về việc giải quyết khiếu nại, nhưng tại các buổi làm việc có đề nghị xem xét đồng thời cả nội dung của Quyết định này. Căn cứ Điều 6 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị này là phù hợp và Tòa án sẽ xem xét Quyết định này trong vụ án.

- Ngày 05/5/2020, bà Đ.T.S nộp Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Nội dung đơn không đề cập việc bà Đ.T.S đã tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án, thông qua các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp, Tòa án mới được biết Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 giải quyết khiếu nại lần hai. Mặc dù bà Đ.T.S không yêu cầu, nhưng xét thấy đây là quyết định hành chính có liên quan trực tiếp và phải đưa Chủ tịch UBND thành phố Hà

Nội vào tham gia tố tụng mới đảm bảo giải quyết triệt để, căn cứ Điều 6 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án sẽ đồng thời xem xét Quyết định này trong vụ án.

- Phạm vi giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đồng thời xem xét yêu cầu của bà Đ.T.S về việc buộc UBND huyện C.M thực hiện bồi thường về đất; bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị tài sản trên đất bị thu hồi; cấp 01 suất đất tái định cư để làm nhà; hỗ trợ ổn định đời sống cho 07 nhân khẩu.

II. Xét các quyết định hành chính bị kiện:

1. Về trình tự, thủ tục ban hành:

Căn cứ Điều 22, 28, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 5 Điều 22, khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 18, Điều 27 đến Điều 41 Luật Khiếu nại; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 29 đến Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội thì các quyết định hành chính bị kiện và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan đã được Chủ tịch & UBND huyện C.M, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục. Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự cũng không tranh chấp pháp lý về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trên.

2. Xét lý do khởi kiện:

Bà Đ.T.S cho rằng đã từng có Đơn xin đất làm nhà ngày 10/5/1981 gửi đến UBND xã Ngọc Hòa và Ban quản trị Hợp tác xã Ngọc Hòa đề xin đất vừa để ở vừa tăng gia thêm, có xác nhận của ông Trịnh Trọng Ba - Đội trưởng Đội Công trình xây lắp vào ngày 01/7/1981, xác nhận của ông Điềm - Chủ nhiệm Hợp tác xã Ngọc Hòa vào ngày 21/01/1982 và xác nhận của ông Nguyễn Quang - Chủ tịch UBND xã Ngọc Hòa, huyện C.M, tỉnh Hà Sơn Bình. Do làm mất giấy tờ, năm 1992, bà Đ.T.S làm lại Đơn xin đất, đề ngày 03/11/1982, nội dung giống như cũ và vẫn được ông Nguyễn Quang - Chủ tịch UBND xã Ngọc Hòa, huyện C.M, tỉnh Hà Tây ký, đóng dấu xác nhận giải quyết cho đất, đề ngày xác nhận 20/10/1982. Đồng thời trong quá trình sử dụng đất, bà Đ.T.S đã đóng tiền thuế sử dụng đất hàng năm. Từ đó bà Đ.T.S yêu cầu phải được bồi thường về đất. Thấy rằng:

Căn cứ Điều 11, khoản 1 và 2 Điều 74, khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, người đang sử dụng đất phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa được cấp. Thực tế bà Đ.T.S chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 phù hợp với quy định. Trong khi đó theo quy định của pháp luật đất đai các thời kỳ, UBND cấp xã không có thẩm quyền giao đất. Việc Chủ tịch UBND xã Ngọc Hòa 02 lần ký xác nhận giao đất cho bà Đ.T.S là không đúng thẩm quyền, nên không thể coi các xác nhận này là căn cứ sử dụng đất hợp pháp. Các biên

lai thu thuế nhà đất, biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mà bà Đ.T.S xuất trình cũng không được coi là giấy tờ sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Tại Đơn xin đất mà bà Đ.T.S xuất trình, diện tích đất được cho phép giải quyết còn bị tẩy xóa phần diện tích, không xác định được là “24,0m²” hay “240m²”.

Trong khi đó, UBND huyện C.M và UBND thị trấn C.S xuất trình các tài liệu, chứng cứ thể hiện diện tích đất bà Đ.T.S sử dụng có nguồn gốc do UBND xã Ngọc Hòa giao khoảng năm 1982, do ông Nguyễn Văn Quang - Chủ tịch UBND xã xuống giao cắm mốc, không lập biên bản thể hiện xác nhận vào đơn ngày 20/10/1982. Tại biên bản ngày 14/3/2019 của UBND thị trấn C.S làm việc với các ông bà nguyên lãnh đạo xã qua các thời kỳ từ năm 1974 đến năm 1994 và các hộ liên kề với hộ bà Đ.T.S đã xác định: Bà Đ.T.S sử dụng đất khoảng tháng 5/1982, đất do ông Thủ Quỹ Ba chuyển nhượng nhưng không có giấy tờ, sau đó bà Đ.T.S mới làm Giấy xin cấp đất, được xác nhận năm 1982 và đến năm 1992 làm lại Giấy xin cấp đất.

Tài liệu là Sổ thuê nhà đất năm 1993 tại địa bàn xã Ngọc Hòa thể hiện bà Đ.T.S được cấp diện tích đất 105m² tại thửa số 316^B, không ghi rõ vị trí, danh sách bàn giao cho UBND xã Tiên Phương năm 1996. Theo hiện trạng trước khi bị thu hồi, bà Đ.T.S sử dụng diện tích đất 290,8m², tăng 185,8 m². Lý do là bởi bà Đ.T.S sử dụng phần hành lang lưu không đường quốc lộ 6, vi phạm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và hành lang điện 35KV, vi phạm Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971.

Phần diện tích đất 186,5m² mà bà Đ.T.S bị thu hồi gồm: 79,3m² là đất hành lang đường điện 35KV, 107,2m² đất hành lang đường quốc lộ 6, diện tích đất còn lại là 104,3 m². Đất bị thu hồi là đất hộ gia đình có ăn ở trực tiếp kết hợp với kinh doanh dịch vụ.

Do việc sử dụng đất của bà Đ.T.S đối với phần diện tích bị thu hồi không có căn cứ hợp pháp, UBND huyện C.M không phê duyệt bồi thường về đất đối với diện tích đã thu hồi thuộc hành lang giao thông và hành lang điện là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; chỉ phê duyệt hỗ trợ 80% đối với tài sản, vật kiến trúc là đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; không phê duyệt tái định cư là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngoài ra, tại Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M về việc giải quyết khiếu nại còn nhận định quá trình kiểm đếm tài sản đã xác định sai kết cấu của công trình nhà tạm và đã được kiểm đếm lại; xác nhận Hộ gia đình bà Đ.T.S có 07 nhân khẩu chứ không phải 02 nhân khẩu, từ đó UBND huyện C.M đã chi trả thêm tiền hỗ trợ. Bà Đ.T.S cũng xác nhận đã 02 lần nhận tiền. Như vậy quyền lợi của bà Đ.T.S đã được đảm bảo.

Do đó việc bà Đ.T.S yêu cầu hủy các Quyết định hành chính về thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp và không được chấp nhận. Các Quyết

định giải quyết khiếu nại lần đầu Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M và Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội cũng được ban hành đúng quy định.

III. Về án phí: Bà Đ.T.S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

IV. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 11, Điều 74, Điều 75, Điều 82, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 18, Điều 36 đến Điều 39 Luật Khiếu nại; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.S đề nghị hủy:
 - Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C.M về việc thu hồi đất.
 - Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C.M phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.
2. Giữ nguyên các Quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan, gồm:
 - Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.M.
 - Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.
3. Về án phí: Bà Đ.T.S được miễn án phí hành chính sơ thẩm.
4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ/VPTA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Quyết Thắng